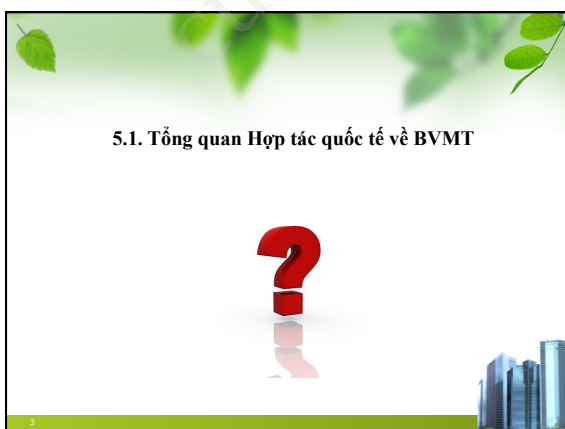








5.1.1. Khái niệm

Hợp tác quốc tế về môi trường:

- + là một trong những nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được đề cập trong Luật Bảo vệ môi trường
- + và là giải pháp quan trọng trong các chiến lược, kế hoạch hành động quốc gia về môi trường.

- + là một trong những nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được đề cập trong Luật Bảo vệ môi trường
- + và là giải pháp quan trọng trong các chiến lược, kế hoạch hành động quốc gia về môi trường.

Ví dụ: Tại Việt Nam

Nội dung QLNNVMT được quy định tại Điều 139 Luật BVMT 2014 gồm 11 nội dung sau:

1. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT, ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
2. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch về BVMT
3. Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc; định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường
4. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch BVMT; thẩm định báo cáo ĐMC; thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM và kiểm tra, xác nhận các công trình BVMT; tổ chức xác nhận KBM.

1. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT, ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
2. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch về BVMT
3. Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc; định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường
4. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch BVMT; thẩm định báo cáo ĐMC; thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM và kiểm tra, xác nhận các công trình BVMT; tổ chức xác nhận KBM.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý chất thải; kiểm soát ô nhiễm; cải thiện và phục hồi môi trường.
6. Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về môi trường.
7. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT; thanh tra trách nhiệm QLNNVBVMT; giải quyết khiếu nại, tố cáo về BVMT; xử lý vi phạm pháp luật về BVMT.
8. Đào tạo nhân lực khoa học và quản lý môi trường; giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về BVMT.
9. Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực BVMT.
10. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện ngân sách nhà nước cho các hoạt động BVMT.

11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

5.1.2. Mục đích

Tại Chương XVII – Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, Luật BVMT 2014:

Điều 156. Ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về môi trường

Bao gồm các điều ước có lợi cho:

- BVMT toàn cầu
- BVMT khu vực
- BVMT trong nước

Điều 157. Bảo vệ môi trường trong quá trình hội nhập

Điều 158. Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường

5.1.3. Hình thức

+ Thông qua các **điều ước song phương, đa phương** đã ký kết với các quốc gia, vùng lãnh thổ và các tổ chức quốc tế

+ Thông qua **kế hoạch hành động** đã ký kết với các quốc gia, vùng lãnh thổ và các tổ chức quốc tế

Ví dụ: Tại Việt Nam

+ Những năm 90 của thế kỷ trước, hợp tác quốc tế về BVMT chủ yếu được thực hiện thông qua các dự án song phương với Thụy Điển, Canada về nâng cao năng lực xây dựng thể chế, với hình thức tiếp nhận viện trợ

+ Đến nay, đã mở rộng thêm nhiều đối tác song phương như Đan Mạch, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ, Trung Quốc...

Hợp tác đa phương với các tổ chức quốc tế như UNDP, UNEP, GEF (Quỹ Môi trường toàn cầu), Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á,...

Nội dung hợp tác đi vào chiều sâu, bao gồm hầu hết các lĩnh vực QLMT như ĐTM< kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn ĐDSH, BĐKH, ...

Hình thức hợp tác chuyển từ nhận viện trợ sang quan hệ đối tác cùng hợp tác giải quyết vấn đề,...

